

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2026/DS-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt

Ông Lê Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Phúc Thiện Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 388/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Công ty cổ phần M1.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền là:

+ Ông Đặng Quang V – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Bà Nguyễn Hoàng Ánh T1 – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Nguyễn Hồ Ngọc H – Chuyên viên xử lý nợ.

2/ Ngân hàng TMCP V1.

Địa chỉ: Tòa nhà V số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền là:

+ Ông Trần Anh T2 – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Hoàng Đức T3 – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Trần Nhật B – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1/ Bà **Trịnh Thị Bạch P**, sinh năm 1969;

2/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 1 ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Ông **Đặng Quang V**, ông **Trần Anh T2** có mặt; ông **C**, bà **P** vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2026 và các lời trình bày của ông **Trần Anh T2** là người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP VI** và ông **Đặng Quang V** là người đại diện theo ủy quyền của **Công ty cổ phần M1** có trong hồ sơ có nội dung:

Bà **Trịnh Thị Bạch P**, ông **Nguyễn Văn C** và **Ngân hàng V2** đã ký kết “Hợp đồng cho vay” số 10211150 ký ngày 19/6/2024 để vay số tiền gốc là 1.047.000.000đ; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.49%/năm cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/4/2025 nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 28/7/2025, **V2** đồng ý bán và **Công ty Cổ phần M1** (sau đây gọi tắt là “**Công ty M1**”) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng giữa **V2** với bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C**, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 10211150 ký ngày 19/06/2024; Căn cứ vào quy định của pháp luật, **Công ty M1** kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của **V2** phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, **V2** tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho **Công ty M1**.

Tạm tính đến ngày 23/02/2026, bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** còn nợ **Công ty M1** và **V2** tổng số tiền, cụ thể như sau:

+ Bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** còn nợ **Công ty M1** nợ gốc 0đ, nợ lãi là 76.758.895đ, tổng cộng là 76.758.895đ.

+ Bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** còn nợ **Ngân hàng V1** nợ gốc là 0đ, nợ lãi là 4.039.942đ, tổng cộng là 4.039.942đ.

Tổng cộng, số tiền bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** còn phải trả cho **V2** và **M** là 80.798.837đ.

Quá trình xử lý khoản vay, **V2** và **Công ty M1** đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho **V2** và **Công ty M1** tuy nhiên bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** không thực hiện.

Vì vậy, **Công ty M1** và **V2** đồng khởi kiện tại Tòa án đối với các vấn đề cụ thể sau:

- Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần M1** và **V2** tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2026 là 80.798.837đ, trong đó nợ gốc là 0đ, nợ lãi 80.798.837đ, Cụ thể:

+ Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần M1** tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2026 là: 76.758.895đ, trong đó nợ gốc là 0đ, nợ lãi là 76.758.895đ.

+ Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **V2** tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2026 là 4.039.942đ, trong đó nợ gốc là 0đ, nợ lãi là 4.039.942đ.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** thực tế thanh toán hết nợ cho **Công ty M1** và **V2**. Lãi phát sinh phải trả cho **M** và **V2** tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **M** và **V2** thì **M** và **V2** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho **M** và **V2**.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, **M** và **V2** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **M** và/hoặc **V2** cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

- Bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan.

Tại phiên tòa, **Ngân hàng TMCP V1** và **Công ty M1** xác định bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho các nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2026 là:

+ Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty M1** nợ gốc 0đ, nợ lãi là 76.020.104đ, tổng cộng là 76.020.104đ.

+ Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Ngân hàng V1** nợ gốc là 0đ, nợ lãi là 4.001.058đ, tổng cộng là 4.001.058đ.

Tổng cộng là 80.021.162đ.

*Bị đơn, bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án:*

Bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà **P**, ông **C** không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà **P**, ông **C** đối với yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V1** và **Công ty M1**. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông **C**, bà **P** cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của Công ty M1 và Ngân hàng V1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M1 và Ngân hàng V1 và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty M1 và Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Khoản 1 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn là bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà P, ông C đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà P, ông C không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng tín dụng: Căn cứ theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024 được ký kết giữa bà Trịnh Thị Bạch P, ông Nguyễn Văn C và Ngân hàng TMCP V1 có chữ ký tên và chữ viết tên bà P và ông C nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập các hợp đồng vay tiền trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P và ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 28/7/2025, Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M1 đã thực hiện việc chuyển nhượng một phần khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng V1 với bà Trịnh Thị Bạch P, ông Nguyễn Văn C theo Hợp đồng mua bán nợ số 13/2025/VPB-MARS và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 13/2025/VPB-Mars ngày 28/7/2025. Như vậy, Công ty cổ phần M1 là người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng V1 theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Theo quy định tại Điều 74, Điều 365, Điều 368 Bộ luật Dân sự khi quyền yêu cầu được chuyển nhượng thì bên nhận chuyển nhượng được kế thừa quyền của bên chuyển nhượng trong phạm vi được thỏa thuận. Căn cứ vào các hợp đồng mua bán nợ trên thì khoản nợ của bà P, ông C được chia tỷ lệ thanh toán cho các đồng nguyên đơn như sau:

+ Công ty M1 sở hữu một phần khoản nợ chiếm tỷ lệ 95% phát sinh theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024.

+ Ngân hàng V1 sở hữu một phần khoản nợ chiếm tỷ lệ 5% phát sinh theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024.

Vì vậy, việc Công ty M1 có quyền khởi kiện yêu cầu bà P, ông C trả số tiền gốc vay và tiền lãi suất, tiền phí phát sinh trên các hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc bà P, ông C phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc vay đối và tiền lãi suất phát sinh trên hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 28/7/2026 tổng cộng là 80.021.162đ cho Công ty M1 và Ngân hàng V1 theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Thấy rằng, Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V1 chỉ có quyền yêu cầu bà P, ông C trả nợ theo phần tỷ lệ mà các nguyên đơn đã thoả thuận chuyển nhượng theo các hợp đồng mua bán nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận tỷ lệ trả nợ như sau:

+ Buộc bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 số tiền nợ gốc 0đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.020.104đ, tổng cộng là 76.020.104đ.

+ Buộc bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền nợ gốc là 0đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 4.001.058đ, tổng cộng là 4.001.058đ.

Tổng cộng là 80.021.162đ.

[4] Về phương thức thanh toán: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M1 và Ngân hàng V1 yêu cầu bà P, ông C trả số tiền nợ gốc và lãi còn nợ cho Công ty M1 và Ngân hàng V1 tạm tính đến thời điểm xét xử là 28/7/2026. Xét thấy, bà P, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty M1 và Ngân hàng V1, vì vậy cần buộc bà P, ông C hoàn trả số tiền còn nợ cho Công ty M1 và Ngân hàng V1 sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 28/7/2026 (là ngày xét xử sơ thẩm): Căn cứ theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024 thì giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay đến thời điểm khách hàng vay chưa thanh toán xong khoản nợ, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay... Hội đồng xét xử xét thấy, việc Công ty M1 và Ngân hàng V1 yêu cầu bà P, ông C tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 29/7/2026 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận với Ngân hàng V1 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết như trên tương ứng với số tiền nợ và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền nợ là có căn cứ đúng quy định tại Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Bà P, ông C phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty M1 và Ngân hàng V1.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của các đồng Nguyên đơn về việc yêu cầu bà P, ông C vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ cho các đồng nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: do các bên đã tự xử lý xong tài sản bảo đảm cho khoản vay nhưng bà P và ông C vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ vay và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng nên các nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục yêu cầu kê biên phát mãi tài sản hợp pháp khác của bà P, ông C để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ và chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu này

của các nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật vì việc bà **P**, ông **C** nếu không thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn nên các nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi tài sản hợp pháp khác của bà **P**, ông **C** cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ và chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: bà **P**, ông **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] **Ngân hàng TMCP V1** và **Công ty M1** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí do yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 317, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V1** yêu cầu bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc vay là 0đ, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 80.021.162đ, tổng cộng là 80.021.162đ, cụ thể cho từng nguyên đơn như sau:

+ Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần M1** một phần khoản nợ chiếm tỷ lệ 95% phát sinh theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024. Cụ thể số tiền gốc vay là 0đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.020.104đ, tổng cộng là 76.020.104đ.

+ Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V1** một phần khoản nợ chiếm tỷ lệ 5% phát sinh theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024. Cụ thể: số tiền nợ gốc là 0đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 4.001.058đ, tổng cộng là 4.001.058đ.

2. Buộc bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** có trách nhiệm liên đới tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 29/7/2026 đến thời điểm thanh toán nợ cho các đồng nguyên đơn theo mức lãi suất nợ đã được thỏa thuận với **Ngân hàng TMCP V1** theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Trịnh Thị Bạch P** và ông **Nguyễn Văn C** có trách nhiệm liên đới nộp 4.001.058đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số 0006568 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Công ty cổ phần M1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.919.000đ theo biên lai thu số 0006569 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THA DS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hoa phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 28 tháng 7 năm 2026.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Bùi Thị Kiều T4**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu N**

2. Ông **Lê Văn N1**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 388/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

- *Nguyên đơn*:

1/ Công ty cổ phần M1.

Địa chỉ: **Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật là ông **Bùi Công T** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền là:

+ Ông **Đặng Quang V** – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Bà **Nguyễn Hoàng Ánh T1** – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông **Nguyễn Hồ Ngọc H** – Chuyên viên xử lý nợ.

2/ Ngân hàng TMCP V1.

Địa chỉ: **Tòa nhà V số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền là:

+ Ông **Trần Anh T2** – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông **Hoàng Đức T3** – Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông **Trần Nhật B** – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: **D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn*:

1/ Bà **Trịnh Thị Bạch P**, sinh năm 1969;

2/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: **1 ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TRANH LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 317, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V1 yêu cầu bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc vay là 0đ, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 80.021.162đ, tổng cộng là 80.021.162đ, cụ thể cho từng nguyên đơn như sau:

+ Buộc bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 một phần khoản nợ chiếm tỷ lệ 95% phát sinh theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024. Cụ thể số tiền gốc vay là 0đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 76.020.104đ, tổng cộng là 76.020.104đ.

+ Buộc bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 một phần khoản nợ chiếm tỷ lệ 5% phát sinh theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024. Cụ thể: số tiền nợ gốc là 0đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 4.001.058đ, tổng cộng là 4.001.058đ.

2. Buộc bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 29/7/2026 đến thời điểm thanh toán nợ cho các đồng nguyên đơn theo mức lãi suất nợ đã được thỏa thuận với Ngân hàng TMCP V1 theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 10211150 ngày 19/6/2024.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Bạch P và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới nộp 4.001.058đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số 0006568 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Công ty cổ phần M1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.919.000đ theo biên lai thu số 0006569 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự

Tỷ lệ biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc ngày 28 tháng 7 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Nguyệt - Lê Văn Ngôn

Bùi Thị Kiều Trinh